

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG VĨNH THỊNH PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI VÀ XÂY DỰNG VĨNH THỊNH PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINH THINH PHAT TRADING AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: VTP CONSTRUCTION JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110594130

3. Ngày thành lập: 08/01/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 281 đường Giang Cao, Xã Bát Tràng, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0912088238

Fax:

Email: vinhthinhphat24@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
5.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
6.	Bán buôn thực phẩm	4632
7.	Bán buôn đồ uống	4633
8.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
9.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
10.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
14.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
15.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la và sản xuất giống ngựa, lừa	0142
16.	Chăn nuôi dê, cừu và sản xuất giống dê, cừu, hươu, nai	0144
17.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
18.	Chăn nuôi gia cầm	0146
19.	Chăn nuôi khác	0149
20.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150

21.	Giáo dục nhà trẻ	8511
22.	Giáo dục mẫu giáo	8512
23.	Giáo dục tiểu học	8521
24.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
25.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
26.	Đào tạo sơ cấp	8531
27.	Đào tạo trung cấp	8532
28.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Không bao gồm các hoạt động giáo dục về Đảng, đoàn thể, dạy về tôn giáo)	8559
29.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
30.	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
31.	Hoạt động y tế dự phòng	8691
32.	Hoạt động của hệ thống cơ sở chính hình, phục hồi chức năng	8692
33.	Hoạt động y tế khác chưa được phân vào đâu	8699
34.	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng (Trừ hoạt động chăm sóc người có công)	8710
35.	Hoạt động chăm sóc sức khỏe người bị thiếu năng, tâm thần và người nghiện (Trừ hoạt động chăm sóc người có công)	8720
36.	Hoạt động chăm sóc tập trung khác (Trừ hoạt động chăm sóc người có công)	8790
37.	Hoạt động trợ giúp xã hội không tập trung khác (Trừ hoạt động chăm sóc người có công)	8890
38.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
39.	Cho thuê xe có động cơ	7710
40.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
41.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
42.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
43.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
44.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
45.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá bán lẻ qua Internet)	4791
46.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
47.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách (Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4931

48.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hoá (Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4933
49.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương Chi tiết: Vận tải hàng hoá (Thực hiện theo quy định tại Điều 14 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	5012
50.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
51.	Bốc xếp hàng hóa	5224
52.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
53.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Trừ tổ chức các hoạt động vận tải đường hàng không và hoa tiêu)	5229
54.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
55.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
56.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
57.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
58.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
59.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
60.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
61.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
62.	Đại lý du lịch (Thực hiện theo quy định tại Điều 31, 40 Luật Du lịch 2017)	7911
63.	Điều hành tua du lịch (Thực hiện theo quy định tại Điều 31 Luật Du lịch 2017)	7912
64.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
65.	Xây dựng nhà để ở	4101
66.	Xây dựng nhà không để ở	4102
67.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
68.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
69.	Xây dựng công trình điện	4221
70.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
71.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
72.	Xây dựng công trình thủy	4291
73.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
74.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
75.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299(Chính)
76.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311

77.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
78.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
79.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (Đối với ngành nghề bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, doanh nghiệp thực hiện theo quy định tại Điều 32, 33 Luật Dược năm 2016; Nghị định 98/2021/NĐ-CP về quản lý trang thiết bị y tế và Nghị định số 54/2017/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dược)	4772

6. **Vốn điều lệ:** 38.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. **Số cổ phần được quyền chào bán:** 380.000

8. **Cổ đông sáng lập:**

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC KIÊN	Xóm 7, Xã Yên Nhân, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	38.000	3.800.000.000	10,000	0360980067 59	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	38.000	3.800.000.000	10,000		

2	ĐINH VĂN VĨNH	Thôn Phúc Lâm, Xã Yên Cường, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	323.000	32.300.000.000	85,000	036073017918
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	323.000	32.300.000.000	85,000	
3	ĐINH VĂN LÂM	Thôn Phúc Lâm, Xã Yên Cường, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	19.000	1.900.000.000	5,000	036078021981
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	19.000	1.900.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

Giới tính: *Nam*

Sinh ngày: 05/05/1973

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 036073017918

Ngày cấp: 21/09/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Phúc Lâm, Xã Yên Cường, Huyện ý Yên, Tỉnh Nam Định, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội